Reetech

Chất lượng Không khí
Chất lượng Sống

Điều hòa nhiệt độ loại Gắn trần
Cassette type

RGT-BN series
Cooling only & Heatpump

Điều khiển không dây (theo máy)
Wireless controller (standard)

Điều khiển có dây (tùy chọn)
Wire controller (optional)
Điều khiển theo tuần (tùy chọn)
weekly controller (optional)

Bộ ĐK trung tâm (tùy chọn)
điều khiển tới 64 DL
Central controller (optional)
control up to 64 indoors

- Hoạt động êm
- Làm lạnh nhanh
- Đảo gió 4 hướng tự động
- Bảo trì, bảo dưỡng dễ dàng
- Tích hợp bơm nước ngưng tụ
- Kết cấu gọn nhẹ, phù hợp không gian trần hẹp

Điều hòa nhiệt độ loại Gắn trần / Cassette type

RGT-BN3: loại chỉ làm lạnh (Cooling only); RGT_H-BN3: loại làm lạnh & sưởi (Heatpump)

Model Dàn lạnh (Indoor unit model)		RGT18(H)-BN3	RGT24(H)-BN3	RGT36(H)-BN3	RGT36(H)-BN3T	RGT48(H)-BN3	RGT60(H)-BN3
Model Dàn nóng (Outdoor unit model)		**RC18(H)-BNA**	**RC24(H)-BNA**	**RC36(H)-BNA**	**RC36(H)-BNAT**	**RC48(H)-BNA**	**RC60(H)-BNA**
Công suất lạnh/sưởi danh định (Nominal cooling/heating capacity)	Btu/h	18,000/20,000	24,000/26,000	36,000/40,000	36,000/40,000	48,000/52,000	60,000/65,000
	kW	5.3/5.8	7.0/7.6	10.7/11.7	10.7/11.7	14.1/15.2	17.6/19.0
Công suất điện (Power input) Làm lạnh/cooling	W	2,000	2,500	4,000	4,000	5,200	6,500
Sưởi/heating	W	1,850	2,450	3,900	3,900	5,000	6,200
Hiệu suất năng lượng (EER) Cooling	W/W	2.8	2.8	2.7	2.7	2.7	2.7
Heating	W/W	3.1	3.1	3.0	3.0	3.0	3.0
Năng suất tách ẩm (Moisture removal)	l/h	1.9	2.4	3.7	3.7	4.4	5.5
Lưu lượng gió (Air flow rate)	m^3/h	940/800/650	1200/1000/800	1600/1500/1300	1600/1500/1300	1650/1400/1250	1800/1500/1250
Nguồn điện (Power supply)	V/Ph/Hz	220/1/50	220/1/50	220/1/50	380/3/50	380/3/50	380/3/50
Dòng điện hoạt động (Rated current) Làm lạnh/cooling	A	9.0	13.0	18.0	7.0	8.6	11.0
Sưởi/heating	A	8.3	12.0	17.5	6.5	8.3	10.5
Loại máy nén (Compressor type - C/H)	-	Rotary	Rotary	Scroll	Scroll	Rotary	Scroll
Lượng ga R22 đã nạp (R22 charged) Cooling only	Gram	1,000	1,600	2,100	2,000	2,000	3,200
Heatpump	Gram	1,600	2,000	2,900	2,900	3,300	4,300
Ống ga lỏng (Liquid pipe)	Ømm	6.4	9.5	9.5	9.5	12.7	12.7
Ống ga hơi (Gas pipe)	Ømm	12.7	15.9	19.1	19.1	19.1	19.1
Ống nước xả (Drain pipe)	Ømm	32(OD)	32(OD)	32(OD)	32(OD)	32(OD)	32(OD)
Chiều dài ống tương đương max. (Max. equivalent length)	m	30	30	50	50	50	50
Chiều cao ống max. (Max. height difference)	m	10	10	20	20	25	25
Độ ồn dàn lạnh (Indoor unit noise)	dB(A)	47/40/35	50/45/43	50/45/43	50/45/43	50/47/43	50/45/41
Độ ồn dàn nóng (Outdoor unit noise)	dB(A)	55	53	59	59	63	58
Kích thước dàn lạnh - RxSxC (Indoor dimension) - WxDxH body	mm	840xx840x230	840xx840x230	840x840x300	840x840x300	840x840x300	840x840x300
panel	mm	950x950x55	950x950x55	950x950x55	950x950x55	950x950x55	950x950x55
Kích thước dàn nóng - RxSxC (Outdoor dimension) - WxDxH	mm	760x285x590	845x335x695	895x315x860	895x315x860	990x355x965	900x340x1165
Trọng lượng tịnh dàn lạnh (Net weight indoor unit) body	Kg	24	24	30	30	30	30
panel	Kg	6	6	6	6	6	6
Trọng lượng tịnh dàn nóng (Net weight outdoor unit) Cooling only	Kg	35	48	79	79	88	93
Heatpump	Kg	39	55	80	86	94	102
Phạm vi hiệu quả (Application area) *)	m^2	20 ~ 30	30 ~ 50	50 ~ 75	50 ~ 75	60 ~ 85	80 ~ 105

Công suất lạnh danh định dựa trên các điều kiện sau: nhiệt độ gió hồi 27 °C bầu khô & 19 °C bầu ướt; nhiệt độ ngoài trời 35 °C bầu khô; chiều dài đường ống ga 5m.

Nominal cooling capacities are based on the following conditions: return air temperature 27 °C DB & 19 °C WB; ambient temperature 35 °C DB; refrigerant piping length 5m.

*): *Thông số mang tính tham khảo / For reference only.*

- Tự chọn chế độ hoạt động — *Auto operation*
- Tự khởi động khi có điện lại — *Auto restart*
- Chống các tác nhân gây ăn mòn và chịu được môi trường vùng biển — *Anti-rust even in the seashore area*
- Hẹn giờ hoạt động — *Timing operation*
- Chế độ hoạt động tiết kiệm năng lượng — *Economic running mode*
- Chức năng tự chẩn đoán hỏng hóc và tự động bảo vệ — *Self-diagnosis and auto-protection function*
- Ba tốc độ quạt kèm chức năng tự động điều chỉnh — *3 speed & auto mode*
- Mặt nạ dễ dàng tháo ráp để lau chùi — *Easy-cleaned panel*
- Điều khiển từ xa — *Wireless controller*
- Lọc sạch không khí — *Air filtering*
- Đảo gió 4 hướng tự động — 4-ways *Auto swing*
- Bơm nước xả lắp trong — *Built-in drain pump*

Để cải tiến tốt hơn, có thể một số đặc tính kỹ thuật trên đã được thay đổi / For continuous product improvement the specification is subject to change without notice.

Reetech

Quality to Air - Quality to Live

ISO 9001 REGISTERED — DNV Certification B.V. - The Netherlands

HÀNG VIỆT NAM 2010 CHẤT LƯỢNG CAO — DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

Distributed by: